

19/02/2024

Thị trường có thể sẽ còn điều chỉnh và phân hóa – Cơ cấu danh mục YS30 – GEX

YSflex



Tải
ngay

Phiên bản trực tuyến đã sẵn sàng
ysflex.yuanta.com.vn

2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Nhận định diễn biến
thị trường hàng hóa
và TTCK thế giới



Giá dầu Brent đạt mức cao nhất kể từ tháng 11

- Giá dầu Brent đóng cửa tăng 0.58% và đóng cửa mức tuần tăng 1.6%, đạt mức cao nhất kể từ tháng 11 sau khi căng thẳng tại khu vực Trung Đông có dấu hiệu leo thang do Israel vẫn chưa có động thái ngừng xung đột tại dải Gaza. Đồng thời, chỉ số USD suy yếu cũng là yếu tố hỗ trợ cho đà tăng của giá dầu Brent trong thời gian qua.
- Xu hướng ngắn hạn của giá dầu Brent vẫn duy trì ở mức TĂNG. Tuy nhiên, xu hướng trung hạn của giá dầu Brent vẫn duy trì ở mức GIẢM khi EIA vẫn tiếp tục cảnh báo nhu cầu dầu có thể thấp hơn so với ước tính ban đầu, trong khi đó nguồn cung dầu có thể sẽ tăng.
- Chúng tôi cho rằng nhóm cổ phiếu dầu khí có thể sẽ tiếp tục đi ngang quanh mức hiện tại cho đến khi giá dầu Brent vượt hoàn toàn mức kháng cự 85.80 USD trong ngắn hạn.



Diễn biến giá dầu Brent
Nguồn: Tradingview

Giá cao su tăng do lo ngại về nguồn cung

- Giá cao su kỳ hạn tăng lên trên 154 cent USD/kg, mức cao nhất trong hơn 3 tuần, do các nhà giao dịch cân nhắc triển vọng nhu cầu mạnh mẽ hơn từ các nhà sản xuất ô tô và lốp xe. Dữ liệu gần đây cho thấy doanh số bán xe điện toàn cầu đã tăng 69% so với cùng kỳ trong tháng 1 lên 1.1 triệu chiếc, so với 660,000 chiếc vào tháng 1 năm 2023. Trong khi đó, nhà sản xuất xe điện hàng đầu Trung Quốc BYD được cho là đang xem xét thành lập một nhà máy ở Mexico nhằm mục đích thiết lập một trung tâm xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Trong khi đó, lo ngại về nguồn cung khan hiếm vẫn tồn tại sau những trận mưa lớn gần đây tại các nhà sản xuất lớn ở châu Á, đặc biệt là Thái Lan.
- Đồ thị giá cao su đóng cửa tăng 0.78% trong phiên giao dịch ngày 16/02/2024 tiếp tục tăng sau một thời gian đi ngang quanh 150 – 152 cent USD/kg. Khả năng giá cao su sẽ tiếp tục tăng vượt 154 cent USD/kg. Xu hướng ngắn hạn vẫn đang duy trì ở mức TĂNG.



source: tradingeconomics.com

Diễn biến giá cao su
Nguồn: Tradingeconomics

Phố Wall điều chỉnh sau dữ liệu kinh tế mới nhất

- Phố Wall đóng cửa giảm vào thứ Sáu do lo ngại về dữ liệu PPI mạnh mẽ, làm tăng thêm lo ngại rằng Fed có thể không bắt đầu cắt giảm lãi suất sớm hơn dự kiến. S&P 500 mất 0.48%, chỉ số Dow giảm 145 điểm và Nasdaq giảm 0.82%. Mỹ chứng kiến giá sản xuất tăng 0.3% trong tháng trước, vượt dự báo 0.1%, trong khi PPI cốt lõi tăng 0.5%, cao hơn nhiều so với mức dự đoán 0.1%. Bất động sản, công nghệ và hàng tiêu dùng thiết yếu đều giảm trong khi lĩnh vực năng lượng vẫn giữ được sắc xanh.
- Đồ thị giá của chỉ số Dow Jones đóng cửa giảm 0.37% trong ngày giao dịch 16/02/2024 đang cho tín hiệu tạo mô hình 2 đỉnh ngắn hạn. Khả năng Dow Jones sẽ quay về kiểm định vùng hỗ trợ quanh vùng 38,251 điểm. Ngoài ra, xu hướng ngắn hạn của Dow Jones và Nasdaq duy trì mức TĂNG, trong khi S&P 500 vẫn duy trì ở mức GIẢM.



Diễn biến chỉ số Dow Jones
Nguồn: Tradingview

Diễn biến các quỹ ETF

Mã	Ngày	Thay đổi (.000)	M/B ước tính (tỷ)	Tỷ lệ Premium
VanEck	16/02	-	-	0.91%
DB FTSE	15/02	-	-	-0.96%
Ishares MSCI Frontier 100 ETF	16/02	-	-	-0.64%
Kim Kindex VN30	14/02	(200)	(70)	-0.47%
Premia MSCI	15/02	-	-	-1.39%
Fubon FTSE	16/02	-	-	-0.83%
E1VFN30	15/02	(2,000)	(42)	-0.16%
FUEVFN30	15/02	(2,000)	(57)	0.52%
FUESSVFL	15/02	-	-	0.79%

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Nhận định diễn biến
thị trường Việt Nam

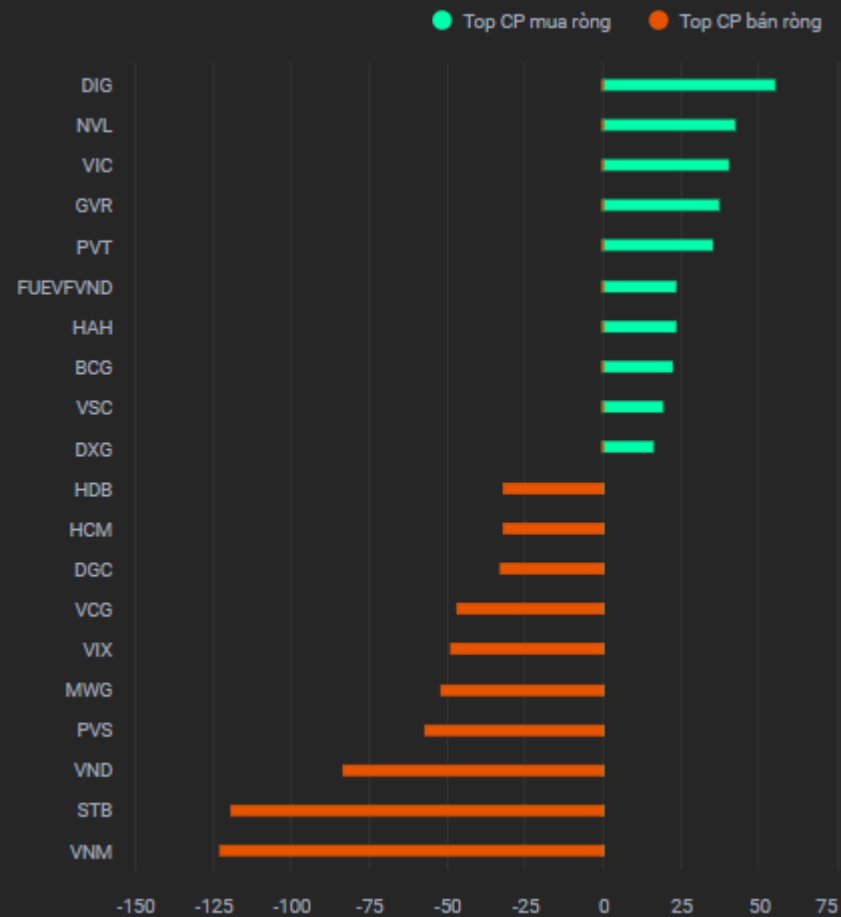


Giá trị giao dịch ròng của nhóm NĐT

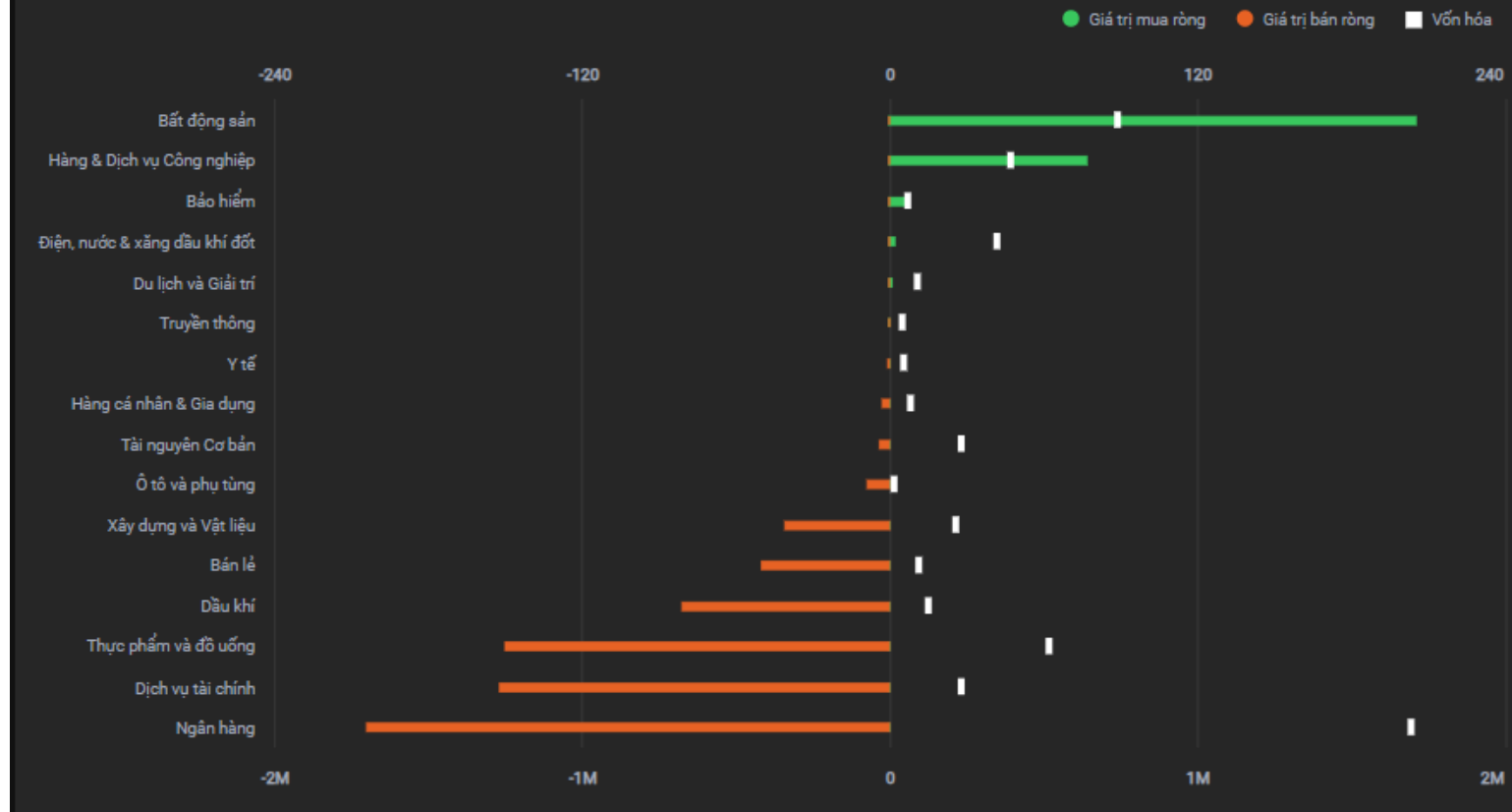
<i>Đvt: Tỷ đồng</i>	16/02/2024	Tuần 12-16/02	Tháng 02/2024	Quý 1/2024	6 tháng đầu năm 2024	Năm 2024
Khối ngoại	(408)	(770)	(1,722)	(1,860)	(1,860)	(1,860)
Tự doanh	(39)	(459)	(343)	1,289	1,289	1,289
Cá nhân	260	1,177	2,007	669	669	669

Khối ngoại bán ròng 408 tỷ, nhóm Ngân hàng bị bán ròng mạnh

TOP CỔ PHIẾU MUA VÀ BÁN RÒNG



DÒNG VỐN NGOẠI THEO NHÓM NGÀNH (Tỷ đồng)



Nguồn: YSradar

Tự doanh bán ròng 39 tỷ

Top mua ròng

Top bán ròng

Mã	Giá trị mua (tỷ đồng)
FPT	28.48
VHM	23.96
AAA	23.37
ASM	18.53
E1VFN30	18.13

Mã	Giá bị bán (tỷ đồng)
EIB	80.21
NVL	78.08
SSI	48.42
FUEVFN30	41.03
VSC	13.15



QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN



Quan điểm thị trường ngắn hạn

- Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ còn đối mặt với nhịp điều chỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần khi chỉ số VN-Index đang giao dịch trong vùng kháng cự 1,200 – 1,210 điểm. Đồng thời, chúng tôi cho rằng rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp và các nhịp điều chỉnh mang tính kỹ thuật sau chuỗi tăng kéo dài, đặc biệt nhóm cổ phiếu ngân hàng đã có chuỗi tăng liên tiếp trong thời gian qua. Ngoài ra, chỉ báo tâm lý ngắn hạn tiếp tục tăng mạnh cho thấy các nhà đầu tư đang lạc quan hơn với diễn biến thị trường hiện tại.
- Xu hướng ngắn hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục.
- Theo đồ thị tuần, chỉ số VN-Index đã đóng cửa tăng 0.9% so với tuần giao dịch trước. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực và rủi ro trung hạn vẫn ở mức thấp. Ngoài ra, xu hướng trung hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể duy trì chiến lược mua và nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục.
- Tham khảo tín hiệu mua/bán cổ phiếu tại: <https://ysradar.yuanta.com.vn/>

Chỉ số YS30 – Vẫn còn tiếp tục điều chỉnh

- Chỉ số YS30 đóng cửa ở mức 98.47 điểm (-0.1%) với khối lượng giao dịch giảm 15% so với phiên giao dịch trước đó. Đồng thời, đồ thị giá có thể sẽ còn tiếp tục điều chỉnh trong phiên kế tiếp khi đồ thị giá đang giao dịch trong vùng kháng cự mạnh trong ngắn hạn cho nên các nhà đầu tư cần hạn chế mua đuổi tại các nhịp tăng. Ngoài ra, xu hướng ngắn hạn của chỉ số YS30 vẫn duy trì ở mức TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục.
- Hệ thống xu hướng ngắn hạn xuất hiện tín hiệu MUA cổ phiếu: **GEX**.



Diễn biến chỉ số YS30. Nguồn: YSVN

Cơ cấu danh mục YS30 trong quý 1/2024

Thêm vào			Loại ra		
Mã CK	Tên	Sàn	Mã CK	Tên	Sàn
ACB	ACB	HOSE	VCB	Vietcombank	HOSE
SHS	Chứng khoán SG - HN	HNX	BSR	BSR	UPCoM
DIG	DIC Corp	HOSE	STB	Sacombank	HOSE
BID	BIDV	HOSE	SHB	SHB	HOSE
FRT	Bán lẻ FPT	HOSE	QNS	Đường Quảng Ngãi	UPCoM

Xem chi tiết tại: https://yuanta.com.vn/phan-tich/danh-muc-co-phieu-ys30_v1-3-ky-co-cau-q1-24 18-02-2024

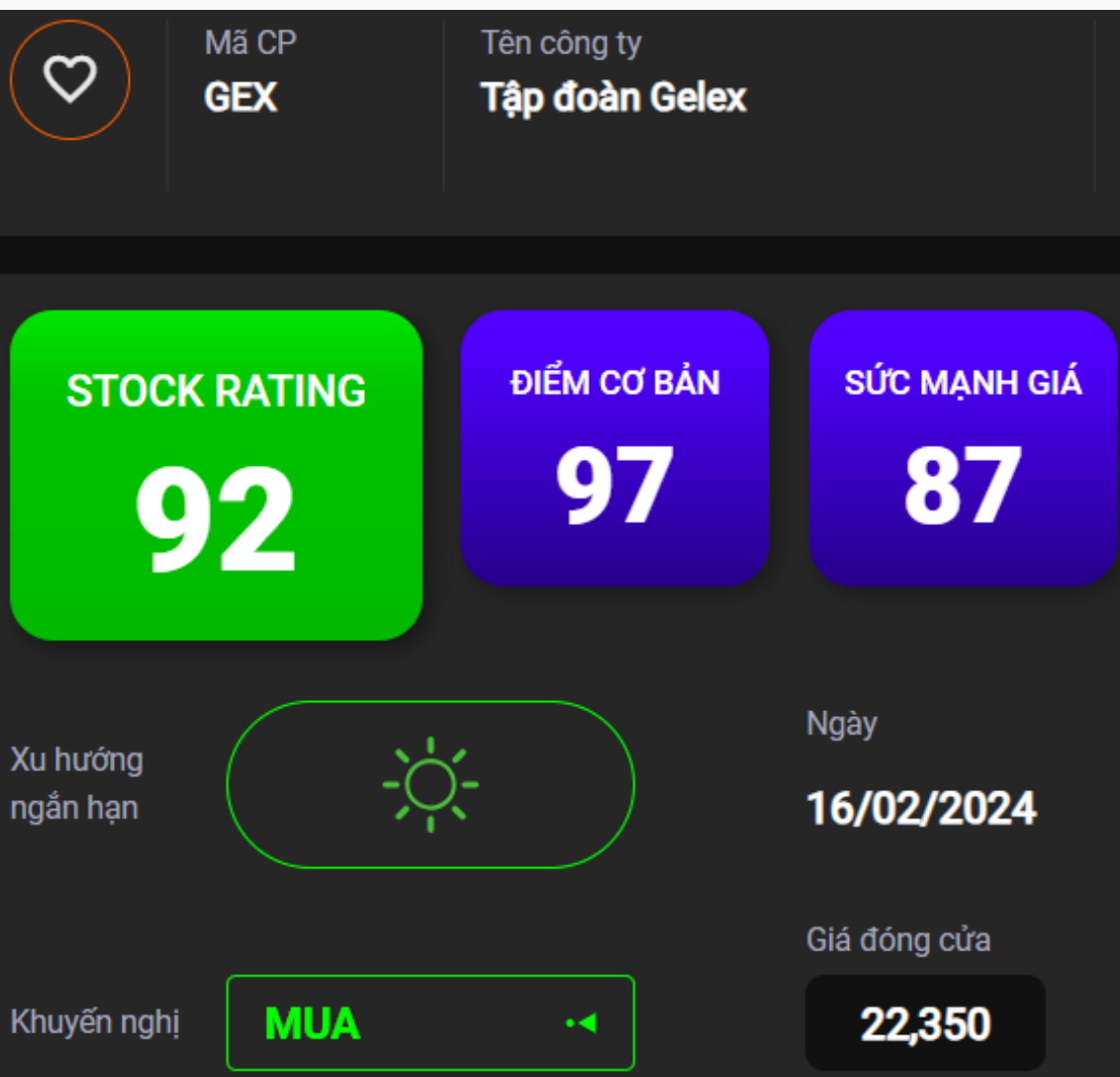


Khuyến nghị ngắn hạn cổ phiếu

GEX



GEX – Hồi phục tất cả các mảng trong năm 2024



Kháng cự ngắn hạn **24.00**

Hỗ trợ ngắn hạn **21.05**

Xu hướng ngắn hạn **TĂNG**

Kháng cự trung hạn **26.30**

Hỗ trợ trung hạn **20.90**

Xu hướng trung hạn **TĂNG**

GEX – Hồi phục tất cả các mảng trong năm 2024



- GEX ghi nhận doanh thu trong Q4/2023 đạt 8,177 tỷ đồng, tăng 10% YoY, lỗ ròng 640 tỷ, giảm mạnh -132% YoY. Lũy kế cả năm 2023, GEX ghi nhận doanh thu 30,170 tỷ, giảm 6% YoY, LNST đạt 865 tỷ, giảm 44% YoY.
- Doanh thu Q4/2023 tăng nhờ doanh thu từ thiết bị điện tăng 32% YoY, các mảng còn lại giảm nhẹ do nhu cầu yếu. Biên lợi nhuận gộp thu hẹp về mức 14.2% (cùng kỳ 18.0%) do biên lợi nhuận mảng thiết bị điện giảm. Lợi nhuận sau thuế giảm xuống mức lỗ còn do doanh thu tài chính giảm 59% YoY do giảm lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức nhận được. Điểm tích cực là chi phí bán hàng giảm 4% YoY, chi phí tài chính giảm 18% YoY.
- Chúng tôi đánh giá KQKD 2024 của GEX sẽ hồi phục tích cực nhờ: 1) mảng cho thuê KCN của VGC khá tích cực nhờ dòng vốn FDI mạnh mẽ, tổng diện tích 3,300ha và diện tích còn lại cho thuê là hơn 900ha; 2) mảng năng lượng tái tạo với tổng công suất 245GW đang được hưởng mức giá bán tốt 0.084-0.0935USD/kWh trong suốt 20 năm; và 3) mảng VLXD và thiết bị điện kỳ vọng hồi phục theo nền kinh tế trong môi trường lãi suất thấp.
- Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng GEX sẽ có lợi nhuận đột biến trong 6T2024 nhờ thoái vốn tại các dự án năng lượng tái tạo cho Sembcorp Solar Việt Nam, lợi nhuận theo ước tính của chúng tôi từ thương vụ này là khoảng hơn 1,000 tỷ đồng có thể được ghi nhận trong nửa đầu năm nay.
- Ở mức giá đóng cửa hiện tại, GEX đang được giao dịch tại mức PB TTM là 0.9x. Mức Stock Rating của GEX ở mức 92 điểm cho nên chúng tôi đánh giá TÍCH CỰC mức xếp hạng tăng trưởng của cổ phiếu này.
- Độ thị giá của GEX đóng cửa tăng 1.6% với khối lượng giao dịch vẫn duy trì trên mức khối lượng trung bình 20 phiên. Đồng thời, đồ thị giá có dấu hiệu bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho nên chúng tôi kỳ vọng đồ thị giá có thể sớm vượt hoàn toàn mức kháng cự 24.0 trong những phiên giao dịch tới. Ngoài ra, xu hướng ngắn hạn của GEX cũng được nâng lên mức TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét MUA ở mức giá hiện tại.

GEX – Hồi phục tất cả các mảng trong năm 2024

Mã CP	GEX
Giá khuyến nghị	22.35
Giá hiện tại	22.35
Xu hướng ngắn hạn	TĂNG
Xu hướng trung hạn	TĂNG
Mức mục tiêu ngắn hạn	24.81
<i>Upside ngắn hạn so với giá hiện tại</i>	11.00%
Mức cắt lỗ ngắn hạn	21.24
Tỷ lệ lãi/lỗ trung bình	1.32
Thời gian nắm giữ dự kiến (phiên)	20
Tỷ trọng giải ngân tối ưu	18.12%
Khuyến nghị ngắn hạn	MUA



Diễn biến giá cổ phiếu GEX. Nguồn: YSVN

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ NGẮN HẠN



Danh mục khuyến nghị ngắn hạn



CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Ngày khuyến nghị	Giao dịch T+	Giá mua ngắn hạn	Trailing Stop	%Lợi nhuận	Khuyến nghị
CTR	97.20	TĂNG	TĂNG	06/11/2023	T+75	77.50	92.73	25.42%	NẮM GIỮ
SHS	17.90	TĂNG	TĂNG	07/11/2023	T+74	16.00	17.47	11.88%	NẮM GIỮ
SSI	35.00	TĂNG	GIẢM	09/11/2023	T+72	30.30	34.04	15.51%	NẮM GIỮ
DXP	14.70	TĂNG	TĂNG	15/11/2023	T+68	13.20	14.05	11.36%	NẮM GIỮ
LAS	17.80	TĂNG	GIẢM	17/11/2023	T+66	13.60	16.39	30.88%	NẮM GIỮ
TNG	20.80	TĂNG	TĂNG	13/12/2023	T+48	19.90	19.99	4.52%	NẮM GIỮ
MBB	24.00	TĂNG	GIẢM	27/12/2023	T+38	18.45	22.89	30.08%	NẮM GIỮ
HSG	23.35	TĂNG	TĂNG	29/12/2023	T+36	22.70	22.60	2.86%	NẮM GIỮ
CII	19.10	TĂNG	GIẢM	09/01/2024	T+29	18.25	18.31	4.66%	NẮM GIỮ
LSS	11.45	TĂNG	GIẢM	10/01/2024	T+28	11.35	11.19	0.88%	NẮM GIỮ
KDH	31.40	TĂNG	TĂNG	19/01/2024	T+21	31.30	30.61	0.32%	NẮM GIỮ
IJC	15.25	TĂNG	GIẢM	19/01/2024	T+21	14.55	14.75	4.81%	NẮM GIỮ
SZC	41.95	TĂNG	TĂNG	22/01/2024	T+20	37.35	40.20	12.32%	NẮM GIỮ
VTP	68.20	TĂNG	TĂNG	23/01/2024	T+19	62.80	65.23	8.60%	HẠN CHẾ MUA MỚI
SIP	80.00	TĂNG	TĂNG	23/01/2024	T+19	69.00	75.09	15.94%	NẮM GIỮ
VCG	25.40	TĂNG	GIẢM	24/01/2024	T+18	25.40	24.59	0.00%	NẮM GIỮ
PC1	29.15	TĂNG	TĂNG	24/01/2024	T+18	28.25	28.43	3.19%	NẮM GIỮ
FRT	124.50	TĂNG	TĂNG	26/01/2024	T+16	106.30	118.38	17.12%	NẮM GIỮ

Danh mục khuyến nghị ngắn hạn

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Ngày khuyến nghị	Giao dịch T+	Giá mua ngắn hạn	Trailing Stop	%Lợi nhuận	Khuyến nghị
DCM	33.90	TĂNG	GIẢM	30/01/2024	T+14	32.15	32.56	5.44%	NẮM GIỮ
TV2	41.60	TĂNG	TĂNG	30/01/2024	T+14	39.00	39.92	6.67%	NẮM GIỮ
TCH	13.70	TĂNG	GIẢM	31/01/2024	T+13	13.50	13.01	1.48%	NẮM GIỮ
VGC	53.00	TĂNG	TĂNG	31/01/2024	T+13	53.30	51.27	-0.56%	NẮM GIỮ
CTS	31.00	TĂNG	TĂNG	01/02/2024	T+12	29.60	29.52	4.73%	NẮM GIỮ
DHC	41.60	TĂNG	GIẢM	01/02/2024	T+12	42.30	40.70	-1.65%	NẮM GIỮ
DPG	41.35	TĂNG	GIẢM	02/02/2024	T+11	40.50	39.96	2.10%	NẮM GIỮ
FPT	105.10	TĂNG	TĂNG	02/02/2024	T+11	99.90	101.64	5.21%	NẮM GIỮ
HAH	41.45	TĂNG	TĂNG	06/02/2024	T+9	39.70	39.01	4.41%	NẮM GIỮ
PVD	28.50	TĂNG	TĂNG	06/02/2024	T+9	28.25	27.76	0.88%	NẮM GIỮ
DGC	95.50	TĂNG	TĂNG	07/02/2024	T+8	95.60	93.10	-0.10%	NẮM GIỮ
VND	23.20	TĂNG	TĂNG	15/02/2024	T+2	23.00	22.31	0.87%	NẮM GIỮ
GEX	22.35	TĂNG	TĂNG	19/02/2024	T+0	22.35	21.33	0.00%	MUA

Danh mục cổ phiếu VNMidcaps xuất hiện tín hiệu



CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Ngày khuyến nghị	Giao dịch T+	Giá mua ngắn hạn	Trailing Stop	%Lợi nhuận tạm tính	Giá mục tiêu ngắn hạn	Tín hiệu
CTR	97.20	TĂNG	TĂNG	06/11/2023	T+75	77.50	92.73	25.42%	92.11	NẮM GIỮ
SJS	68.90	TĂNG	TĂNG	06/11/2023	T+75	61.60	67.48	11.85%	73.60	NẮM GIỮ
VCI	45.00	TĂNG	GIẢM	07/11/2023	T+74	38.70	43.62	16.28%	46.16	NẮM GIỮ
FTS	48.65	TĂNG	GIẢM	09/11/2023	T+72	39.15	46.43	24.27%	47.20	HẠN CHẾ MUA MỚI
VIX	17.95	TĂNG	TĂNG	09/11/2023	T+72	14.60	17.26	22.95%	19.31	HẠN CHẾ MUA MỚI
PVT	27.50	TĂNG	GIẢM	09/11/2023	T+72	25.60	26.14	7.42%	29.38	NẮM GIỮ
HCM	26.95	TĂNG	TĂNG	09/11/2023	T+72	20.00	26.04	34.75%	34.00	NẮM GIỮ
PDR	29.70	TĂNG	TĂNG	09/11/2023	T+72	23.80	28.51	24.79%	29.34	HẠN CHẾ MUA MỚI
DGW	57.10	TĂNG	GIẢM	09/11/2023	T+72	50.10	54.61	13.97%	58.78	NẮM GIỮ
PAN	23.15	TĂNG	GIẢM	26/12/2023	T+39	20.00	21.94	15.75%	24.94	NẮM GIỮ
HSG	23.35	TĂNG	TĂNG	29/12/2023	T+36	22.70	22.60	2.86%	26.63	NẮM GIỮ
CII	19.10	TĂNG	GIẢM	09/01/2024	T+29	18.25	18.31	4.66%	16.84	NẮM GIỮ
NKG	24.60	TĂNG	TĂNG	17/01/2024	T+23	24.90	23.94	-1.20%	29.84	NẮM GIỮ
KDH	31.40	TĂNG	TĂNG	19/01/2024	T+21	31.30	30.61	0.32%	34.66	NẮM GIỮ
NLG	39.30	TĂNG	GIẢM	19/01/2024	T+21	39.15	38.10	0.38%	44.36	NẮM GIỮ
SZC	41.95	TĂNG	TĂNG	20/01/2024	T+20	37.35	40.20	12.32%	42.70	NẮM GIỮ
VCG	25.40	TĂNG	GIẢM	24/01/2024	T+18	25.40	24.59	0.00%	29.75	NẮM GIỮ

Danh mục cổ phiếu VNMidcaps xuất hiện tín hiệu



CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Ngày khuyến nghị	Giao dịch T+	Giá mua ngắn hạn	Trailing Stop	%Lợi nhuận tạm tính	Giá mục tiêu ngắn hạn	Tín hiệu
PC1	29.15	TĂNG	TĂNG	24/01/2024	T+18	28.25	28.43	3.19%	32.34	NẮM GIỮ
FRT	124.50	TĂNG	TĂNG	26/01/2024	T+16	106.30	118.38	17.12%	127.90	NẮM GIỮ
DCM	33.90	TĂNG	GIẢM	30/01/2024	T+14	32.15	32.56	5.44%	38.56	NẮM GIỮ
PHR	55.30	TĂNG	GIẢM	30/01/2024	T+14	49.90	52.58	10.82%	55.50	NẮM GIỮ
DBC	28.85	TĂNG	TĂNG	31/01/2024	T+13	27.00	27.07	6.85%	31.83	NẮM GIỮ
TCH	13.70	TĂNG	GIẢM	31/01/2024	T+13	13.50	13.01	1.48%	15.47	NẮM GIỮ
VGC	53.00	TĂNG	TĂNG	31/01/2024	T+13	53.30	51.27	-0.56%	61.40	NẮM GIỮ
DHC	41.60	TĂNG	GIẢM	01/02/2024	T+12	42.30	40.70	-1.65%	49.99	NẮM GIỮ
CMG	40.45	TĂNG	TĂNG	05/02/2024	T+10	42.00	39.18	-3.69%	48.40	NẮM GIỮ
PVD	28.50	TĂNG	TĂNG	06/02/2024	T+9	28.25	27.76	0.88%	32.67	NẮM GIỮ
DGC	95.50	TĂNG	TĂNG	07/02/2024	T+8	95.60	93.10	-0.10%	118.30	NẮM GIỮ
VHC	66.70	TĂNG	TĂNG	07/02/2024	T+8	65.60	64.33	1.68%	74.74	NẮM GIỮ
VND	23.20	TĂNG	TĂNG	15/02/2024	T+2	23.00	22.31	0.87%	27.49	NẮM GIỮ
ASM	10.80	TĂNG	TĂNG	19/02/2024	T+0	10.80	10.15	0.00%	13.23	MUA
GEX	22.35	TĂNG	TĂNG	19/02/2024	T+0	22.35	21.33	0.00%	24.81	MUA

Danh mục cổ phiếu VNSmallcaps xuất hiện tín hiệu



CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Ngày khuyến nghị	Giao dịch T+	Giá mua ngắn hạn	Trailing Stop	%Lợi nhuận tạm tính	Giá mục tiêu ngắn hạn	Tín hiệu
BSI	52.70	TĂNG	TĂNG	09/11/2023	T+72	39.80	50.52	32.41%	46.44	HẠN CHẾ MUA MỚI
CNG	29.55	TĂNG	GIẢM	09/11/2023	T+72	29.40	28.49	0.51%	32.74	NẮM GIỮ
AGR	17.30	TĂNG	GIẢM	09/11/2023	T+72	14.45	16.49	19.72%	17.26	NẮM GIỮ
HHS	8.65	TĂNG	TĂNG	09/11/2023	T+72	6.10	8.21	41.80%	6.90	HẠN CHẾ MUA MỚI
CSV	54.50	TĂNG	GIẢM	09/11/2023	T+72	38.95	52.81	39.92%	44.62	NẮM GIỮ
HAH	41.45	TĂNG	TĂNG	09/11/2023	T+72	33.75	39.01	22.81%	40.55	NẮM GIỮ
DRC	32.00	TĂNG	TĂNG	17/11/2023	T+66	23.00	30.20	39.13%	27.41	NẮM GIỮ
GSP	12.15	TĂNG	GIẢM	05/12/2023	T+54	11.75	11.88	3.40%	28.41	NẮM GIỮ
TDM	42.40	TĂNG	TĂNG	29/12/2023	T+36	40.50	41.36	4.69%	47.35	NẮM GIỮ
LSS	11.45	TĂNG	GIẢM	10/01/2024	T+28	11.35	11.19	0.88%	13.14	NẮM GIỮ
IJC	15.25	TĂNG	GIẢM	19/01/2024	T+21	14.55	14.75	4.81%	17.09	NẮM GIỮ
TIP	24.90	TĂNG	TĂNG	20/01/2024	T+20	23.80	24.24	4.62%	18.09	NẮM GIỮ
NHH	18.70	TĂNG	TĂNG	26/01/2024	T+16	19.70	18.50	-5.08%	21.70	NẮM GIỮ
TV2	41.60	TĂNG	TĂNG	30/01/2024	T+14	39.00	39.92	6.67%	44.19	NẮM GIỮ
ELC	21.70	TĂNG	TĂNG	31/01/2024	T+13	20.20	20.92	7.43%	23.70	HẠN CHẾ MUA MỚI
CTS	31.00	TĂNG	TĂNG	01/02/2024	T+12	29.60	29.52	4.73%	35.78	NẮM GIỮ
DPG	41.35	TĂNG	GIẢM	02/02/2024	T+11	40.50	39.96	2.10%	49.66	NẮM GIỮ

Danh mục cổ phiếu VNSmallcaps xuất hiện tín hiệu



CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Ngày khuyến nghị	Giao dịch T+	Giá mua ngắn hạn	Trailing Stop	%Lợi nhuận tạm tính	Giá mục tiêu ngắn hạn	Tín hiệu
HAH	41.45	TĂNG	TĂNG	06/02/2024	T+9	39.70	39.01	4.41%	47.58	NẮM GIỮ

Phòng Nghiên cứu và Phân tích khối Khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Global Disclaimer

© 2020 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written consent of Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited.